TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hoài

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văn K, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1996 (vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Trần Tuấn T, sinh ngày 12 tháng 01 năm 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 6Đ, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2023 và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 20 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn chị Văn K trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Trần Tuấn T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường VT, Tp. RG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01/2014 ngày 20 tháng 6 năm 2014. Chị và anh Trần Tuấn T có 03 người con chung tên: Trần Trọng Th, sinh ngày 25/01/2014, Trần Trọng Th2, sinh ngày 20/02/2016 và Trần Tuấn Th3, sinh ngày 03/4/2020 hiện nay đang sống chung với chị; về tài sản chung và nợ, chị và anh Trần Tuấn T không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Trần Tuấn T sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình, anh Trần Tuấn T không có trách nhiệm, không lo lắng chăm sóc cho vợ con nên chị và anh Trần Tuấn T đã sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Tuấn T, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tuấn T; về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 03 người con chung tên: Trần Trọng Th, sinh ngày 25/01/2014, Trần Trọng Th2, sinh ngày 20/02/2016 và Trần Tuấn Th3, sinh ngày 03/4/2020 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2, chị không yêu cầu anh Trần Tuấn T cấp dưỡng con. Về tài sản chung và nợ, không có, chị không yêu cầu giải quyết, chị bận công việc gia đình nên không tham gia phiên tòa được, chị yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt chị theo ý kiến trình bày của chị trước đây, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại các Bản trình bày nguyện vọng ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2 như sau*:

Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2 là con của anh Trần Tuấn T và chị Văn K, địa chỉ: ấp 6Đ, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, từ khi cha mẹ của Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2 không chung sống với nhau, thì Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2 chung sống với mẹ, nếu mẹ cha của Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2 ly hôn thì Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2 có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Văn K.

** Tại Biên bản xác minh ngày 11 tháng 12 năm 2023, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Trần Tuấn T và chị Văn K, cư trú tại: ấp 6Đ, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp, thường xuyên cự cãi về vấn đề kinh tế gia đình và anh chị đã sống ly thân, hiện nay 03 người con chung của anh chị đang chung sống với chị Văn K. Anh Trần Tuấn T thường xuyên vắng mặt ở nhà và ở địa phương, thỉnh thoảng anh Trần Tuấn T mới về.

* *Bị đơn anh Trần Tuấn T*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Trần Tuấn T biết để anh có ý kiến về việc chị Văn K yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh nhưng anh Trần Tuấn T không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân Văn K và sổ hộ khẩu (Bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn chị Văn K và anh Trần Tuấn T số: 104 ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường VT, Tp. RG, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); 03 Giấy khai sinh Trần Trọng Th, Trần Trọng Th2 và Trần Tuấn Th3 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 12 tháng 7 năm 2023 của chị Văn K (Bản chính); Biên Bản xác minh ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); 02 Văn Bản trình bày nguyện vọng ngày 26/02/2024 của Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2 (Bản chính).

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Văn K gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Tuấn T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng dân sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị Hội đồng xét xử, xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 22 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Văn K yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tuấn T và yêu cầu được nuôi dưỡng 03 người con chung là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Văn K được ly hôn với anh Trần Tuấn T. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao 03 người con chung của anh chị cho chị Văn K tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Văn K yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Tuấn T và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp 6Đ, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Tuấn T biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Văn K khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Trần Tuấn T nhưng anh Trần Tuấn T không có ý kiến yêu cầu gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Trần Tuấn T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho chị Văn K và anh Trần Tuấn T thì chị Văn K gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Trần Tuấn T vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Văn K và anh Trần Tuấn T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Văn K và anh Trần Tuấn T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân phường VT, Tp. RG, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 104, quyển số: 01/2014 ngày 20 tháng 6 năm 2014, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Văn K được ly hôn với anh Trần Tuấn T, quá trình anh chị chung sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình, anh Trần Tuấn T không có trách nhiệm, không lo lắng chăm sóc cho vợ con và anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Chị Văn K thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Tuấn T, chị yêu cầu được ly hôn anh Trần Tuấn T, thì anh Trần Tuấn T không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Văn K yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ

chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án chị Văn K cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tuấn T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu của chị Văn K, cho chị Văn K được ly hôn với anh Trần Tuấn T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Văn K và anh Trần Tuấn T có 03 người con chung tên: Trần Trọng Th, sinh ngày 25/01/2014, Trần Trọng Th2, sinh ngày 20/02/2016 và Trần Tuấn Th3, sinh ngày 03/4/2020 đang sống chung với chị Văn K. Khi ly hôn, chị Văn K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 người con chung, anh Trần Tuấn T không có ý kiến yêu cầu gì, đồng thời 03 người con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Văn K, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại, 02 người con chung của anh chị tên Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2 có nguyện vọng chung sống với chị Văn K, người con chung của anh chị tên Trần Tuấn Th3 còn nhỏ, mới tròn 04 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Văn K và nguyện vọng của Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2, giao 03 người con chung của anh chị cho chị Văn K được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Văn K không yêu cầu anh Trần Tuấn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Văn K tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Văn K được ly hôn với anh Trần Tuấn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 03 người con chung của anh chị tên: Trần Trọng Th, sinh ngày 25/01/2014, Trần Trọng Th2, sinh ngày 20/02/2016 và Trần Tuấn Th3, sinh ngày 03/4/2020 cho chị Văn K được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị tên Trần Trọng Th và Trần Trọng Th2, hiện nay đang chung sống với chị Văn K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Văn K không yêu cầu anh Trần Tuấn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Văn K tự xác định, anh chị không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009006 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Văn K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND phường VT, Tp. RG, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo